ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42/2018/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 20 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 ngày 5 tháng 2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng

11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2019 *(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)*.

Giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định này là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên có cùng phẩm cấp, chất lượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, trường hợp sản phẩm tài nguyên được vận chuyển đi tiêu thụ, trong đó: chi phí vận chuyển, giá bán sản phẩm tài nguyên được ghi nhận riêng trên hóa đơn thì giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm tài nguyên không bao gồm chi phí vận chuyển; là cơ sở để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện việc nộp thuế tài nguyên và là căn cứ để cơ quan thuế tính toán, xác định mức thu, quản lý thu thuế tài nguyên.

Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp cao hơn giá quy định tại Quyết định này thì giá tính thuế tài nguyên tính theo giá ghi trên hóa đơn; trường hợp giá bán trên đơn vị sản phẩm tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định này thì giá tính thuế tài nguyên áp dụng theo giá quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm theo dõi giá bán các loại tài nguyên trên thị trường; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) khi giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động lớn tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa hoặc giảm từ 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành hoặc phát sinh tài nguyên mới chưa được quy định trong Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên, nộp thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh: trong trường hợp giá bán tài nguyên biến động lớn hoặc phát sinh loại tài nguyên mới báo cáo đề nghị điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên khi giá

tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động lớn tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa hoặc giảm từ 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành hoặc phát sinh tài nguyên mới chưa được quy định trong Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành về việc quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và các văn bản có liên quan khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh